

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

DỰ THẢO

## NGHỊ ĐỊNH

### Quy định về tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

## Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi là người sử dụng lao động) theo khoản 3 Điều 150 của Bộ luật Lao động năm 2019.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động Việt Nam là công dân Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Tổ chức nước ngoài tại Việt Nam là cơ quan, tổ chức nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, gồm:

a) Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện các tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc, tổ chức quốc tế liên Chính phủ, các tổ chức khu vực, tiểu khu vực;

b) Văn phòng đại diện tổ chức thuộc Chính phủ nước ngoài;

c) Văn phòng thường trú cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh và truyền hình nước ngoài;

d) Tổ chức phi Chính phủ nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy đăng ký theo quy định của pháp luật Việt Nam;

3. Cá nhân nước ngoài tại Việt Nam là người nước ngoài làm việc tại các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

5. Doanh nghiệp cho thuê lại lao động liên quan đến người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

### **Điều 3. Nguyên tắc chung**

1. Bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về lao động và pháp luật có liên quan khác của Việt Nam.

2. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

3. Tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động hiệu quả tại Việt Nam.

### **Điều 4. Thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam**

Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý việc tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi tắt là cơ quan, tổ chức quản lý) là các cơ quan, tổ chức được Bộ Ngoại giao phân cấp, giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu, gồm: (i) Cục Phục vụ Ngoại giao đoàn, Bộ Ngoại giao (tên giao dịch tiếng Anh: Service Department for Diplomatic Corps, viết tắt là SDDC); (ii) Trung tâm Phát triển hợp tác quốc tế và dịch vụ đối ngoại (tên giao dịch tiếng Anh: Center for International Cooperation and Foreign Affairs Services, viết tắt là CIFA) trực thuộc Sở Ngoại vụ Đà Nẵng và (iii) Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ cơ quan nước ngoài (tên giao dịch tiếng Anh: Service Company to Foreign Missions, viết tắt là FOSCO) thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện quản lý người lao động Việt Nam theo danh sách địa bàn quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

## **Chương II**

### **TUYỂN DỤNG, QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

**Điều 5. Quy định về tuyển dụng người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài**

1. Trước khi tuyển dụng người lao động Việt Nam, người sử dụng lao động phải thông báo bằng văn bản trực tiếp hoặc trực tuyến đến cơ quan, tổ chức quản lý được quy định tại Điều 4 Nghị định này, trong đó nêu rõ vị trí việc làm, số lượng cần tuyển dụng.

2. Cơ quan, tổ chức quản lý hướng dẫn, phổ biến bằng văn bản trực tiếp hoặc trực tuyến các quy định của pháp luật Việt Nam về lao động cho người sử dụng lao động trong quá trình tuyển dụng người lao động Việt Nam.

3. Người sử dụng lao động công khai thông tin tuyển dụng người lao động Việt Nam trên Sàn giao dịch việc làm quốc gia (địa chỉ: <https://www.vieclam.gov.vn>).

4. Người sử dụng lao động trực tiếp tuyển dụng người lao động Việt Nam hoặc thông qua cơ quan, tổ chức quản lý.

5. Khi có yêu cầu hỗ trợ từ người sử dụng lao động, cơ quan, tổ chức quản lý được quy định tại Điều 4 Nghị định này sẽ tuyển chọn, giới thiệu ứng viên theo mô tả công việc do người sử dụng lao động cung cấp.

#### **Điều 6. Trình tự, thủ tục quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài**

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ký kết hợp đồng lao động với người lao động Việt Nam thì người sử dụng lao động phải thông báo bằng văn bản trực tiếp hoặc trực tuyến cho cơ quan, tổ chức quản lý, trong đó ghi rõ họ và tên, số căn cước, vị trí việc làm và thời điểm bắt đầu làm việc của người lao động Việt Nam được tuyển dụng.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ký kết hợp đồng lao động với tổ chức, cá nhân nước ngoài quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Nghị định này, người lao động Việt Nam có trách nhiệm liên hệ với cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 4 Nghị định này để thực hiện đăng ký quản lý lao động theo quy định. Hồ sơ đăng ký quản lý lao động được quy định tại Điều 7 Nghị định này.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận thông báo của người sử dụng lao động và hồ sơ đăng ký quản lý lao động của người lao động, cơ quan, tổ chức quản lý:

a) Tổ chức bồi dưỡng kiến thức chung và cấp giấy chứng nhận cho người lao động Việt Nam;

b) Gửi thông báo bằng văn bản trực tiếp hoặc trực tuyến đến người sử dụng lao động về việc tiếp nhận quản lý người lao động Việt Nam.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt sử dụng người lao động Việt Nam thì người sử dụng lao động phải thông báo bằng văn bản trực tiếp hoặc trực tuyến đến cơ quan, tổ chức quản lý, trong đó nêu lý do chấm dứt sử dụng người lao động.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận thông báo chấm dứt sử dụng người lao động của người sử dụng lao động, cơ quan, tổ chức quản lý gửi văn bản xác nhận trực tiếp hoặc trực tuyến cho người sử dụng lao động về việc chấm dứt quản lý người lao động Việt Nam.

### **Điều 7. Hồ sơ đăng ký quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài**

1. Sơ yếu lý lịch tự thuật của người lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Bản sao thẻ căn cước hoặc thẻ căn cước công dân.

3. Bản sao hợp đồng lao động đã ký kết với người sử dụng lao động có đối chiếu với bản gốc hoặc mã số hợp đồng lao động điện tử ký kết giữa người lao động và người sử dụng lao động.

4. Giấy chứng nhận đã tham gia khoá bồi dưỡng kiến thức chung dành cho người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

### **Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý**

1. Tiếp nhận văn bản đề nghị hỗ trợ việc tuyển dụng người lao động Việt Nam của người sử dụng lao động; hồ sơ dự tuyển của người lao động Việt Nam theo yêu cầu tuyển dụng của người sử dụng lao động. Tuyển chọn, giới thiệu người lao động Việt Nam khi có yêu cầu từ người sử dụng lao động.

2. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký quản lý lao động của người lao động Việt Nam và thực hiện quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

3. Tổ chức các chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho người lao động Việt Nam theo quy định của pháp luật để đáp ứng yêu cầu của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong quá trình sử dụng người lao động Việt Nam.

4. Tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động Việt Nam.

5. Tư vấn cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc sử dụng người lao động Việt Nam.

6. Hỗ trợ xác nhận thông tin về nhân sự của người lao động Việt Nam trong

thời gian làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài trên cơ sở hồ sơ đăng ký quản lý lao động quy định tại Điều 7 của Nghị định này.

7. Định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hằng năm, báo cáo Bộ Ngoại giao về tình hình tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam khi tuyển dụng, sử dụng người lao động Việt Nam**

1. Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Lao động, Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện đúng hợp đồng lao động đã ký kết với người lao động Việt Nam.

3. Tạo điều kiện để người lao động Việt Nam:

a) Hoàn thiện đầy đủ hồ sơ và đăng ký quản lý lao động tại cơ quan, tổ chức quản lý;

b) Tham gia các chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng do cơ quan, tổ chức quản lý tổ chức trong quá trình sử dụng người lao động Việt Nam.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động, thông báo bằng văn bản trực tiếp hoặc trực tuyến đến tổ chức có thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam về việc sử dụng dịch vụ cho thuê lại lao động theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, gửi Phiếu thông tin tình hình tuyển dụng, sử dụng người lao động Việt Nam theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm Nghị định này đến tổ chức có thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam.

### **Điều 10. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động Việt Nam khi làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài**

1. Được tham gia các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Được tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

3. Được hỗ trợ xác nhận thông tin về nhân sự trên cơ sở hồ sơ đăng ký quản lý lao động quy định tại Điều 7 của Nghị định này.

4. Được tham gia các chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng do cơ quan, tổ chức quản lý người lao động Việt Nam tổ chức trong quá trình làm việc.

5. Tuân thủ các quy định pháp luật của Việt Nam về lao động, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và quy định pháp luật khác có liên quan.

6. Có trách nhiệm hoàn thành khoá bồi dưỡng kiến thức chung sau khi ký hợp đồng lao động với tổ chức, cá nhân nước ngoài.

7. Thực hiện đúng nội dung hợp đồng lao động đã ký kết với người sử dụng lao động.

8. Thực hiện việc đăng ký quản lý lao động theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

9. Cập nhật hồ sơ đăng ký quản lý lao động với cơ quan, tổ chức quản lý người lao động Việt Nam.

### **Điều 11. Trách nhiệm của doanh nghiệp cho thuê lại lao động làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài**

1. Định kỳ hàng quý cung cấp danh sách người lao động đang được cho thuê lại đến cơ quan, tổ chức quản lý người lao động Việt Nam.

2. Lập danh sách người lao động được cho thuê lại gửi cơ quan, tổ chức quản lý người lao động Việt Nam để bồi dưỡng kiến thức chung.

3. Lưu trữ hồ sơ liên quan đến người lao động Việt Nam đã được cho thuê lại; bảo mật thông tin cá nhân của người lao động và của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật. Thời hạn lưu trữ hồ sơ tối thiểu 05 năm kể từ ngày làm việc cuối cùng cho tổ chức, cá nhân nước ngoài của người lao động được cho thuê lại.

### **Điều 12. Xử lý vi phạm**

Các hành vi vi phạm của tổ chức và cá nhân liên quan đến tuyển dụng, quản lý người Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thì bị xử phạt theo quy định của Nghị định này, cụ thể như sau:

1. Đối với người sử dụng lao động:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng khi có hành vi sử dụng người lao động Việt Nam nhưng không gửi Phiếu thông tin tình hình tuyển dụng, sử dụng người lao động Việt Nam hoặc gửi Phiếu thông tin không đúng nội dung hoặc không đúng thời hạn cho tổ chức có thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam về tình hình tuyển dụng, sử dụng người lao động Việt Nam theo quy định của pháp luật.

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng khi có hành vi không công khai thông tin tuyển dụng người lao động Việt Nam trên Sàn giao dịch việc làm quốc gia (địa chỉ: <https://www.vieclam.gov.vn>) hoặc không thông báo cho cơ quan, tổ chức quản lý sau khi tuyển dụng và ký kết hợp đồng lao động với người lao động hoặc không tạo điều kiện cho người lao động Việt Nam hoàn thiện và nộp hồ sơ đăng ký quản lý lao động cho cơ quan, tổ chức quản lý.

## 2. Đối với người lao động Việt Nam:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng khi có hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thời hạn hoặc thực hiện không đầy đủ việc đăng ký quản lý lao động tại tổ chức có thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam.

b) Trường hợp cố ý vi phạm sau khi đã được thông báo về việc thực hiện các quy định của Nghị định này, phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng và chịu hình thức xử lý vi phạm khác theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

## 3. Đối với doanh nghiệp cho thuê lại lao động:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng khi có hành vi không cung cấp danh sách người lao động đang cho thuê lại đến tổ chức có thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam theo quý.

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng khi có hành vi không gửi danh sách người lao động được cho thuê lại đến tổ chức có thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam để bồi dưỡng kiến thức chung theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định này.

## **Chương III** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 13. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

## **Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp**

Trong thời hạn 03 năm kể từ khi Nghị định này có hiệu lực, người lao động Việt Nam đang thực hiện hợp đồng lao động với tổ chức, cá nhân nước ngoài trước ngày ... tháng ... năm 2026 phải tham gia khoá bồi dưỡng kiến thức chung theo quy định tại Khoản 6 Điều 10 Nghị định này.

## **Điều 15. Trách nhiệm thi hành**

### **1. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao**

a) Thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam từ trung ương đến địa phương;

b) Tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và báo cáo đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền;

c) Xử lý hoặc kiến nghị xử lý hành vi vi phạm đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Nghị định này;

d) Xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam được kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công Bộ Ngoại giao, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

### **2. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ**

a) Chia sẻ dữ liệu về Sàn giao dịch việc làm quốc gia (địa chỉ: <https://www.vieclam.gov.vn>) và hợp đồng lao động điện tử eContract với cơ quan, tổ chức quản lý người lao động Việt Nam.

b) Phối hợp báo cáo về người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam khi có yêu cầu;

c) Hướng dẫn việc thực hiện quy định của pháp luật về chính sách, việc làm, lao động, tiền lương và các nội dung khác có liên quan đến người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

### **3. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng**

Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thực hiện các quy định của pháp luật về đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khẩu, hải đảo, vùng chiến lược, trọng điểm, địa bàn xung yếu về quốc phòng.

### **4. Trách nhiệm của Bộ Công an**

a) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức quản lý và các tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng người lao động Việt Nam thực hiện các quy định của pháp luật về đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

b) Phối hợp thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định liên quan tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

#### 5. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

a) Chia sẻ dữ liệu về việc thực hiện nghĩa vụ tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có sử dụng người lao động Việt Nam với cơ quan, tổ chức quản lý người lao động Việt Nam.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân của người lao động Việt Nam.

#### 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan chức năng trong công tác tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam tại địa phương.

7. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, TGD công TTĐT, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**KT. THỦ TƯỚNG**  
**PHÓ THỦ TƯỚNG**